

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1146/2024/HC-PT
Ngày 09 tháng 10 năm 2024
V/v: *Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 702/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2024/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh KG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2789/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh KG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Huỳnh Quốc C – Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt);

Địa chỉ: Số E, đường H, phường V, thành phố R, tỉnh KG.

- *Người bị kiện:* Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Minh T, sinh năm 1976 – Chức vụ: Phó Giám đốc (có mặt);

Địa chỉ: Số H, đường C, phường A, thành phố R, tỉnh KG.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Ông Nguyễn Tấn P khiếu nại việc ngưng trợ cấp Bảo hiểm xã hội của ông P tại Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 06/9/1997 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh K. Ngày 17/7/2023, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh K ra Quyết định số 651/QĐ-BHXH giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn P; nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông P về việc xem xét lại hồ sơ trợ cấp mất sức của ông P.

Không đồng ý với Quyết định số 651/QĐ-BHXH ngày 17/7/2023 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh KG, ông P khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định này.

Ông P xác định ông có thời gian công tác tại Tàu TK15 từ tháng 3/1979 cho đến hết tháng 8/1984 thời gian công tác tuần tra và chốt quản tại đảo T là 5 năm 5 tháng. Trong thời gian này ông P có 2 lần được cử đi học tại huyện T, tỉnh Tây Ninh và phường T, thị xã H, tỉnh KG đều là 2 huyện biên giới.

Theo quy định tại Quyết định số 60/HĐBT ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi trợ cấp đối với công nhân viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động, thì: Đối với những người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trước ngày ban hành Quyết định số 176/HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng nếu có đủ một trong các điều kiện sau đây sẽ được tiếp tục hưởng trợ cấp: “Những người có đủ 5 năm công tác thực tế ở các chiến trường B, K, C, ở biên giới, đảo xa, vùng có nhiều khó khăn gian khổ”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại tại Công văn số 320/BHXH-TTKT ngày 29/3/2023 Bảo hiểm xã hội tỉnh K xác định sau khi trao đổi với Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh K thì khoảng thời gian 02 lần đi học của ông P không được tính là công tác ở biên giới, hải đảo...

Ông P không đồng ý với nội dung này nên đã khiếu nại đến Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh K, nhưng không được chấp nhận.

Ông P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 651/QĐ-BHXH ngày 17/7/2023 của Giám đốc bảo hiểm xã hội tỉnh K.

Tại Văn bản ngày 14/11/2023, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh K có ý kiến đối với đơn kiện của ông P như sau:

Hồ sơ mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P do Ủy ban nhân dân huyện H xác lập (Quyết định số 10/QĐ ngày 24/10/1989), được Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh K xét duyệt, giải quyết cho ông Nguyễn Tấn P hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng từ ngày 01/01/1990. Bàn giao cho Bảo hiểm xã hội tỉnh K tiếp tục quản lý, chi trả từ khi thành lập ngành Bảo hiểm xã hội năm 1995 (Hồ sơ mất sức lao động hàng tháng của ông P do Sở ở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh K chuyển giao cho Bảo hiểm xã hội tỉnh K quản lý, chi trả không có Quyết định số 40/QĐ).

Căn cứ Quyết định số 60/HĐBT ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi chế độ trợ cấp đối với công nhân, viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động, Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 09/QĐ-BHXH ngày 06/9/1997 thu hồi sổ trợ cấp mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P từ ngày 01/10/1997 (do đã được hưởng trợ cấp hàng tháng đủ 1/2 thời gian công tác đã quy đổi). Ông Nguyễn Tấn P đã nhiều lần khiếu nại, khiếu nại đối với Quyết định số 09/QĐ-BHXH. Bảo hiểm xã hội tỉnh KG cũng đã nhiều lần chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan như Ủy ban nhân dân huyện H, Sở L... tổ chức đối thoại, giải thích, trả lời bằng văn bản nhưng ông Nguyễn Tấn P đều không đồng thuận.

Ngày 20/4/2023, ông Nguyễn Tấn P tiếp tục có Đơn khiếu nại đối với Công văn số 320/BHXH-TTKT ngày 29/3/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh K về việc trả lời kiến nghị của ông Nguyễn Tấn P. Để có cơ sở giải quyết khiếu nại, Bảo hiểm xã hội tỉnh K đã ban hành Quyết định số 560/QĐ-BHXH ngày 03/7/2023 về việc xác minh nội dung khiếu nại, Tổ xác minh được thành lập theo Quyết định trên đã tiến hành làm việc với các cơ quan có liên quan đến việc xác lập hồ sơ, xét duyệt chế độ mất sức lao động hàng tháng đối với ông Nguyễn Tấn P là Ủy ban nhân dân huyện H và Sở L. Kết quả xác minh hoàn toàn thống nhất với nội dung Công văn số 126/LĐTBXH-TTr ngày 31/01/2020 của Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh K về việc kiến nghị kiểm tra hồ sơ mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P, Công văn số 1227/LĐTBXH-TTr ngày 25/5/2022 của Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh K về việc ý kiến về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Tấn P và Công văn số 191/UBND-TP ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc xác định tính pháp lý hồ sơ mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P mà Bảo hiểm xã hội tỉnh K đã căn cứ để ban hành Công văn số 320/BHXH-TTKT. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh KG đã ban hành Quyết định số 651/QĐ-BHXH ngày 17/7/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn P (lần đầu).

Việc ban hành Quyết định số 651/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội tỉnh K là có căn cứ, đúng trình tự theo quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh KG xem xét không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 651/QĐ-BHXH.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2024/HC-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh KG quyết định:

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Tấn P về việc hủy Quyết định số 651/QĐ-BHXXH ngày 17/7/2023 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh K giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/4/2024, ông Nguyễn Tấn P kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Huỳnh Quốc C trình bày: Ông Nguyễn Tấn P là cán bộ công tác tại đơn vị bộ đội biên phòng từ tháng 3/1976, đến năm 1988 thì ông nghỉ việc và được hưởng chế độ mất sức lao động. Theo hồ sơ cung cấp, ông P nghỉ việc và được hưởng chế độ từ ngày 01/01/1989 theo Quyết định số 40/QĐ. Điều này phù hợp với các tài liệu mà ông P lưu giữ và cung cấp; phiếu lập sổ mà ông được cấp cũng thể hiện nội dung theo quyết định số 40/QĐ. Khi ông P nghỉ việc thì được cơ quan cấp cho ông phiếu hưởng trợ cấp hàng tháng vào ngày 19/02/1989. Điều này thể hiện rằng việc ông P hưởng chế độ đã được xác lập từ ngày 19/02/1989, còn thời gian mà các tổ chức liên quan lập hồ sơ như thế nào thì ông không biết.

Trong hồ sơ có 02 quyết định do các đương sự cung cấp, bao gồm Quyết định số 40/QĐ và Quyết định số 10/QĐ. Trong đó, thông tin về thời gian trong Quyết định số 10/QĐ đã bị sửa từ năm 1989 thành năm 1990, điều này thể hiện việc ban hành các quyết định giải quyết chế độ cho ông P dựa trên quyết định bị tẩy xóa là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng quyền lợi của ông P.

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Quyết định số 60/HĐBT ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng thì đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trước ngày ban hành Quyết định số 176/HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng thỏa mãn điều kiện là những người có đủ 05 năm công tác thực tế ở vùng biên giới, đảo xa. Việc ông P đã từng có thời gian công tác ở vùng biên giới, đảo xa là hoàn toàn phù hợp với thực tế cũng như quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông P công tác tại đảo xa (T), cụ thể từ ngày 25/3/1979 đến ngày 10/10/1981 và từ ngày 15/01/1984 đến ngày 15/8/1984, tổng cộng là 03 năm 09 tháng, chưa đủ 5 năm để tiếp tục được hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động hàng tháng. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ ngày 10/10/1981 đến ngày 25/7/1982, ông P học tập ở huyện T, tỉnh Tây Ninh, là vùng giáp với biên giới Campuchia nên phải được cộng thêm 09 tháng 15 ngày. Ngoài ra, từ ngày 15/7/1983 đến ngày 15/01/1984, ông P được cử đi học tập tại phường T, thị xã H, tỉnh KG và từ ngày 15/8/1984 đến ngày 15/8/1985, ông P được cử công tác tại

đồn Xà Lục. Tính tổng thời gian nêu trên thì ông P đủ điều kiện công tác trên 05 năm ở vùng biên giới, đảo xa.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo Thông tư số 16/TBXH ngày 14/5/1981 của Bộ L2 thì đồn Xà L không được tính là đảo xa. Tuy nhiên, đồn Xà L không được nêu tên trong Thông tư số 16/TBXH nên có thể xác định đồn Xà Lục đảo xa.

Ông Nguyễn Tấn P trình bày bổ sung: Ông thống nhất với lời trình bày của Luật sư Huỳnh Quốc C. Từ tháng 03/1979 đến hết tháng 08/1984, ông đóng quân và bảo vệ đảo T; sau đó được điều động về đồn X từ tháng 9/1984 đến tháng 6/1985 cũng là đảo xa giáp với biên giới Campuchia và Thái Lan. Phía Bảo hiểm Xã hội tỉnh K đã chỉnh sửa nội dung trong Quyết định số 10/QĐ từ năm 1989 thành năm 1990 là không đúng với quy định pháp luật. Ngoài ra, ông P cho rằng vị trí của đồn Xà L nằm ngoài phạm vi thuộc đảo P. Đối với các cán bộ, công nhân, viên chức về hưu thì đến 02 năm sau khi nghỉ mới phát hành phiếu trợ cấp là không đúng với quy định pháp luật.

Luật sư Huỳnh Quốc C và ông Nguyễn Tấn P đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Bà Hà Minh T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Dựa theo hồ sơ của ông Nguyễn Tấn P, Bảo hiểm Xã hội tỉnh K đã ban hành các quyết định thu hồi sổ trợ cấp của ông đúng theo quy định pháp luật. Toàn bộ hồ sơ của ông Nguyễn Tấn P đã được giải quyết từ năm 1990; hồ sơ của ông P ban đầu được do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giải quyết. Đến năm 1995, đơn vị Bảo hiểm Xã hội được thành lập thì mới tiếp nhận lại hồ sơ của ông P để tiếp tục quản lý và chi trả trợ cấp. Căn cứ theo Quyết định số 60/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, ông P không đủ điều kiện để tiếp tục hưởng các mức trợ cấp hàng tháng. Do đó, Bảo hiểm Xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 09/QĐ-BHXX để thu hồi sổ của ông P kể từ tháng 10/1997 là đúng quy định.

Đối với quá trình giải quyết đơn, thư khiếu nại của ông P thì Bảo hiểm Xã hội tỉnh K đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục đúng quy định pháp luật. Việc Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 651/QĐ-BHXX ngày 17/7/2023 là có căn cứ, do đó yêu cầu khiếu nại của ông P không có cơ sở được chấp nhận. Ngoài ra, đồn Xà L nằm trên đảo P và đảo P không được xác định là đảo xa nên thời gian ông P công tác tại đây không được tính là công tác ở đảo xa. Ông P cho rằng Bảo hiểm Xã hội đã sửa thời gian ban hành Quyết định số 10/QĐ là không có căn cứ. Hành vi sửa thời gian này không có ý nghĩa và lợi ích cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh K. Tính tổng thời gian công tác của ông P trong quân đội từ ngày 25/3/1979 đến tháng 4/1985 là 74 tháng, tương đương với 06 năm 02 tháng. Trong đó, thời gian công tác tại đảo xa của ông P được tính là 03 năm 02 tháng. Tổng thời gian được quy đổi là 08 năm 02 tháng.

Trường hợp ông P cho rằng đồn Xà Lực được xác định là đảo xa thì thời gian ông P công tác tại đây chỉ có 09 tháng nên tổng thời gian thực tế vẫn không đủ 05 năm công tác ở biên giới, đảo xa. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ đã được Bảo hiểm Xã hội tỉnh K cung cấp cho Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, ông P được hưởng trợ cấp sau ngày 09/10/1989 và không đủ thời gian công tác 05 năm ở vùng biên giới, đảo xa theo quy định. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và không công nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là có cơ sở. Căn cứ theo Điều 251 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tấn P, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Tấn P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 651/QĐ-BHXXH ngày 17/7/2023 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông P là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh KG theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Mặc dù ông Nguyễn Tấn P không khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-BHXXH ngày 06/9/1997 của Bảo hiểm xã hội tỉnh K về việc thu hồi sổ trợ cấp mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P từ ngày 01/10/1997 (do đã được hưởng trợ cấp hàng tháng đủ 1/2 thời gian công tác đã quy đổi) và Công văn số 320/BHXXH-TTKT ngày 29/3/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh K về việc trả lời kiến nghị của ông Nguyễn Tấn P. Tuy nhiên, Tòa án vẫn xem xét tính hợp pháp của

các văn bản này vì có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ông Nguyễn Tấn P tham gia công tác từ ngày 02/4/1976 tại Công ty nông nghiệp tỉnh K. Ngày 25/3/1979, ông P gia nhập Bộ đội Biên phòng tỉnh KG. Ngày 01/5/1985, ông P giải ngũ và công tác tại Công ty xuất khẩu huyện H đến ngày 06/4/1988 thì nghỉ công tác do mất sức lao động. Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành Quyết định số 40/QĐ ngày 24/10/1988 và Quyết định số 10/QĐ ngày 24/10/1989 về việc cho ông P nghỉ mất sức.

Ngày 30/12/1989, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành giấy thôi trả lương gửi Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh K xác định đã trả lương và phụ cấp cho ông Nguyễn Tấn P đến hết ngày 30/12/1989. Từ tháng 01/1990, Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh K trả phụ cấp cho ông P.

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 236/HĐBT ngày 18/9/1985 của Hội đồng Bộ trưởng thì thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ thời gian công tác quy đổi; do đó, ông P có thời gian công tác 15 năm 6 tháng (hoặc 8 tháng) sẽ được hưởng trợ cấp tối đa là 7 năm 9 tháng. Ông P được hưởng phụ cấp từ tháng 01/1990 đến hết tháng 9/1997 là vừa đủ 7 năm 9 tháng.

Ngày 06/9/1997, Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 09/QĐ-BHXXH về việc thu hồi sổ trợ cấp mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P từ ngày 01/10/1997 (do đã được hưởng trợ cấp hàng tháng đủ $\frac{1}{2}$ thời gian công tác đã quy đổi).

Không đồng ý, ông Nguyễn Tấn P đã nhiều lần kiến nghị, khiếu nại đối với Quyết định số 09/QĐ-BHXXH nêu trên. Bảo hiểm xã hội tỉnh K đã nhiều lần chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đối thoại, giải thích, trả lời bằng văn bản nhưng ông Nguyễn Tấn P không đồng ý. Ngày 29/3/2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Công văn số 320/BHXXH-TTKT với nội dung không chấp nhận các kiến nghị của ông Nguyễn Tấn P.

Ngày 20/4/2023, ông P tiếp tục có Đơn khiếu nại đối với Công văn số 320/BHXXH-TTKT nêu trên. Ngày 17/7/2023, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 651/QĐ-BHXXH giải quyết khiếu nại của ông P (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 20, 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về thời điểm ông Nguyễn Tấn P được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng (trước hay sau ngày 09/10/1989)

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ ngày 24/10/1988 và Quyết định số 10/QĐ ngày 24/10/1989 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh KG về việc cho ông P nghỉ mất sức; căn cứ Giấy thôi trả lương ngày 30/12/1989 của Ủy ban nhân dân huyện H có nội dung xác định đã trả lương và phụ cấp cho ông Nguyễn Tấn P đến hết ngày 30/12/1989, từ tháng 01/1990, Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh K trả phụ cấp cho ông P theo quy định; căn cứ Hồ sơ mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P do Ủy ban nhân dân huyện H xác lập, được Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh K (sau này là Bảo hiểm xã hội tỉnh K) xét duyệt, giải quyết cho ông Nguyễn Tấn P hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng kể từ ngày 01/01/1990.

Căn cứ Công văn số 126/LĐTBXH-TTr ngày 31/01/2020 của Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh K về việc kiến nghị kiểm tra hồ sơ mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P, Công văn số 1227/LĐTBXH-TTr ngày 25/5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh K nêu ý kiến về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Tấn P và Công văn số 191/UBND-TP ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc xác định tính pháp lý hồ sơ mất sức lao động của ông Nguyễn Tấn P đều thể hiện thời điểm ông Nguyễn Tấn P được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng là kể từ ngày 01/01/1990 (sau ngày 09/10/1989).

[2.2.2] Về thời gian công tác thực tế của ông Nguyễn Tấn P ở khu vực biên giới, đảo xa (có đủ 05 năm hay không).

Xét từ ngày 05/3/1979 đến ngày 10/10/1981, ông Nguyễn Tấn P đóng quân tại đảo T 31 tháng; từ tháng 01/1984 đến tháng 8/1984, ông P tiếp tục đóng quân tại đảo T 8 tháng; tổng cộng là 39 tháng.

Đối với khoảng thời gian ông P được cử đi học ở huyện T, tỉnh Tây Ninh và phường T, thị xã H, tỉnh KG, ông P cho rằng đây là khu vực biên giới. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 14/LĐ-TT ngày 07/11/1985 và Thông tư số 16/TBXH ngày 14/5/1981 của Bộ L2 thì vùng biên giới chỉ áp dụng đối với biên giới V và biên giới Campuchia từ tháng 01/1977 đến tháng 12/1978. Do đó, vùng giáp ranh biên giới giữa tỉnh Tây Ninh và tỉnh KG với C1 tại thời điểm ông P được cử đi học không được xem là thời gian công tác ở xã biên giới hoặc vùng tiếp giáp biên giới. Vì vậy, việc ông P yêu cầu xác định ông có đủ 05 năm công tác tại vùng biên giới, đảo xa là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, ông Nguyễn Tấn P không đủ điều kiện được áp dụng Điều 2 Quyết định số 60/HĐBT ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi trợ cấp đối với công nhân viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động, quy định đối với những người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trước ngày ban hành Quyết định số 176/HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng nếu có đủ một trong các điều kiện sau đây sẽ được tiếp tục hưởng trợ cấp: *“Những người có đủ 5 năm công tác thực tế ở các chiến trường B, K, C, ở biên giới, đảo xa, vùng*

có nhiều khó khăn gian khổ”. Do đó, ngày 06/9/1997, Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 09/QĐ-BHXXH về việc thu hồi sổ trợ cấp mất sức lao động của ông P; ngày 29/3/2023, Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Công văn số 320/BHXXH-TTKT và ngày 17/7/2023, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh K ban hành Quyết định số 651/QĐ-BHXXH không chấp nhận yêu cầu được tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng của ông Nguyễn Tấn P là đúng quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận; tuy nhiên, ông P là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông P theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P về việc hủy Quyết định số 651/QĐ-BHXXH ngày 17/7/2023 của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh K về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn P.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn P không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh KG;
- Cục THADS tỉnh KG;
- Các đương sự;
- Lưu VT; HSVA - NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp